

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phân bổ dự toán
ngân sách địa phương năm 2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Năm Nung

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Lâm Đồng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026.

UBND xã kính trình HĐND xã Năm Nung khóa XII, kỳ họp thứ 4 xem xét về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 20.343 triệu đồng, gồm:

- | | |
|------------------------|--------------------|
| 1. Thu thuế và phí: | 17.245 triệu đồng. |
| 2. Thu từ đất, nhà: | 2.150 triệu đồng. |
| 3. Thu khác ngân sách: | 948 triệu đồng. |

II. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026

1. Thu ngân sách địa phương: 144.407 triệu đồng. Bao gồm:

- | | |
|---------------------------------------|---------------------|
| a. Thu được hưởng theo phân cấp: | 19.299 triệu đồng. |
| b. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: | 125.108 triệu đồng. |
| - Thu bổ sung cân đối ngân sách: | 106.185 triệu đồng. |
| - Thu bổ sung có mục tiêu: | 18.923 triệu đồng. |

2. Chi ngân sách địa phương: 144.407 triệu đồng. Bao gồm:

2.1. Chi cân đối ngân sách cấp xã: 125.484 triệu đồng.

a) Chi đầu tư phát triển: 4.874 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách tập trung: 3.174 triệu đồng.

- Nguồn vốn phân cấp tiền sử dụng đất: 1.700 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên: 118.090 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 72.198 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 1.278 triệu đồng.

c) Dự phòng ngân sách: 2.520 triệu đồng.

2.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 18.923 triệu đồng.

III. Phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026:

Tổng chi ngân sách địa phương: 144.407 triệu đồng.

Bao gồm:

1. Chi hoạt động của các cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể, chi sự nghiệp: 138.753 triệu đồng.

2. Dự phòng ngân sách: 2.520 triệu đồng.

3. Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương: 3.134 triệu đồng.

(Có phụ biểu và dự thảo Nghị quyết đính kèm)

Kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Thành viên UBND xã;
- UB MTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các Phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Danh



Phụ lục I (Biểu mẫu số 15)
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2025		Dự toán năm 2026	So sánh	
		Dự toán	Ước thực hiện		Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NS XÃ	95.314,159	115.518,565	144.407	28.888,435	125%
I	Thu NS xã được hưởng theo phân cấp	1.566,050	3.985,400	19.299	15.313,600	484%
	Thu NS xã hưởng 100%	793,100	2.492,529	7.380	4.887,471	296%
	Thu NS xã hưởng từ các khoản thu phân chia	772,950	1.492,871	11.919	10.426,129	798%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	93.748,109	111.533,165	125.108	13.574,835	112%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	93.748,109	93.748,109	106.185	12.436,891	113%
2	Thu bổ sung có mục tiêu		17.785,056	18.923	1.137,944	106%
III	Các khoản huy động, đóng góp					
IV	Thu kết dư			-		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
B	TỔNG CHI NS XÃ	95.314,159	106.699,000	144.407	37.708,000	135%
I	Tổng chi cân đối NS xã	95.314,159	106.699,000	125.484	18.785,000	118%
1	Chi đầu tư phát triển			4.874	4.874,000	
2	Chi thường xuyên	94.346,807	105.874,166	114.956	9.081,834	109%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			-	-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	-	
5	Dự phòng ngân sách	824,834	824,834	2.520	1.695,166	306%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	142,518		3.134	3.134,000	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên			18.923	18.923,000	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			-		
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên			-		

Phụ lục II (Biểu mẫu số 16)
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước TH năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP	Tổng thu NSNN 5=3/1	Tổng thu NSDP 6=4/2
A	B	1	2	3	4		
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	51.124,000	50.907,636	20.343	19.299	40%	38%
I	Thu thuế và phí	21.482,226	21.345,859	17.245	17.245	80%	81%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
	- Thuế giá trị gia tăng						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý			100	100		
	- Thuế giá trị gia tăng			50	50		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			50	50		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	11.228,311	11.228,311	7.295	7.295	65%	65%
	- Thuế giá trị gia tăng	9.032,203	9.032,203	5.045	5.045	56%	56%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,051	14,051	50	50	356%	356%
	- Thuế tài nguyên	2.165,547	2.165,547	2.200	2.200	102%	102%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	16,510	16,510			0%	0%
4	Thu thuế thu nhập cá nhân	4.618,192	4.618,192	2.670	2.670	58%	58%
5	Lệ phí trước bạ	5.378,189	5.378,189	7.000	7.000	130%	130%
6	Thu phí, lệ phí	257,534	121,167	180	180	70%	149%
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
II	Thu từ đất, nhà	28.660,841	28.660,841	2.150	1.738	8%	6%
1	Thu tiền sử dụng đất	28.503,000	28.503,000	2.000	1.700	7%	6%
2	Thu tiền bán, cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước						
3	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	157,841	157,841	150	38	95%	24%
III	Thu khác ngân sách	980,933	900,936	948	316	97%	35%
1	Thu tài chính	980,933	900,936	200	200	20%	22%
2	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia						
3	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước			748	116		
	<i>Trong đó: thu từ các mỏ do trung ương cấp</i>			<i>518</i>			

Phụ lục III (Biểu mẫu số 17)
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

0



STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026
A	B	1	2
	TỔNG CHI NS XÃ	95.314,159	144.407
A	CHI CÂN ĐỐI NS XÃ	95.314,159	125.484
I	Chi đầu tư phát triển		4.874
1	Chi đầu tư cho các dự án		4.874
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất		1.700
-	Chi từ nguồn ngân sách tập trung theo phân cấp		3.174
2	Chi đầu tư phát triển khác		-
II	Chi thường xuyên	94.346,807	114.956
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	74.327,578	72.198
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		1.278
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		
V	Dự phòng ngân sách	824,834	2.520
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	142,518	3.134
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		18.923
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		-



Phụ lục IV (Biểu mẫu số 34)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

0

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	C
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	125.484
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	-
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	125.484
I	Chi đầu tư phát triển	4.874
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.874
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-
-	Chi quốc phòng	-
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	-
-	Chi văn hóa thông tin	-
-	Chi bảo vệ môi trường	-
-	Chi các hoạt động kinh tế	-
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	Chi thường xuyên	114.956
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	72.198
-	Chi khoa học và công nghệ	1.278
-	Chi quốc phòng	-
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	-
-	Chi y tế, dân số và gia đình	-
-	Chi văn hóa thông tin	-
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
-	Chi thể dục thể thao	-
-	Chi bảo vệ môi trường	-
-	Chi các hoạt động kinh tế	-
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	41.480
-	Chi bảo đảm xã hội	-
-	Chi chương trình MTQG	-
-	Chi thường xuyên khác	-
III	Dự phòng ngân sách	2.520
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.134
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

0

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
								Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	144.407	4.874	114.956	2.520	3.134	18.923	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	138.753	4.874	114.956		-	18.923	-	-	-	-
1	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	65.277	4.874	41.480			18.923	-			
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	72.198		72.198				-			
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.278		1.278							
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2.520			2.520			-			
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	3.134				3.134		-			
IV	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	-					-	-			
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-						-			